

Suy nghĩ về mặt số từ tiếng ngôn ngữ học

của GSTSKH Nguyễn Lai

TS Lê Đông & PGS TS Nguyễn Văn Chính



Nhà xuất bản *Từ điển bách khoa* đã cho in một tuyển tập các công trình nghiên cứu của GS Nguyễn Lai – vốn dĩ ông dùng nghề là bài giảng cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

Bài viết này của chúng tôi không hẳn là một bài giới thiệu công trình, đúng hẳn là nhân dịp này chúng tôi muốn trình bày những suy nghĩ riêng mà hẳn về mặt số ý tưởng ngôn ngữ học của GS Nguyễn Lai trong mối liên hệ với *Viết ngữ học*, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới nghiên cứu nghĩa.

1. Trước hết, xin nói đôi điều về phương pháp nghiên cứu của GS theo cảm nhận của chúng tôi. Có thể thấy, GS Nguyễn Lai là người quan tâm nhiều đến những vấn đề lý luận, lý thuyết. Những lý luận. Lý thuyết của ông không chỉ đơn giản là cách diễn đạt về bản thân lý thuyết, trái lại, nó luôn được vận dụng để xây lý những điều kiện thực tiễn, qua đó, lý thuyết được làm sáng tỏ trong thực tiễn. Đó chính là chỗ khác biệt của GS Nguyễn Lai so với những người khác. Chính nhờ đó một phần, người đọc cũng dễ nhận biết những nét riêng trong tư tưởng học thuật của ông. Ông kiên trì theo đuổi một phương pháp làm việc riêng. Thực tiễn thì, ông thích đọc sách, đọc những cuốn sách, tham chí những cuốn sách tiếng Việt (chẳng hạn, một nhóm về từ, một danh ngữ mở rộng. Một từ “nghe” trong thế lưỡng phân, một từ “trời” trong Truyện Kiều, một từ kết cấu “vào Nam, ra Bắc”...) gần gũi với những vấn đề thực tiễn quan niệm lý thuyết mà ông trải qua. Những bài viết trước đây về những điều kiện học thuật của GS thực ra là được tách ra từ những gì ông vốn đã suy nghĩ đến, phần suy nghĩ đến khi phân tích các hiện tượng xã hội.

Trong tư duy khoa học, GS Nguyễn Lai quan tâm nhiều đến những nguyên nhân, những mối quan hệ nhân quả, những tác động của quy định logic của các sự kiện, trừ đi cho những câu hỏi *tại sao*. Có thể nói ông đã sớm nắm vững ngôn ngữ học về những vấn đề không chỉ *miêu tả* cái hiện tượng hiện ra mà còn

*lý giải*

chúng (dĩ nhiên, có lẽ là các mô hình

*chuyên hóa*

*nhóm từ chức năng vấn đề*

(tr. 205) cũng như mô hình

*giải mã của quá trình tiếp nhận văn chương*

(tr. 309)...

Một khía cạnh khác trong cách nghiên cứu của ông. Đó là tinh thần của *giải thích*

nhân giá trị của ngôn ngữ học truy cập thông tin, kiên trì đưa vào nhân tố trong triết học Mác xít. Ông không phải là nhà ngôn ngữ học chủ yếu của vận mệnh khuynh hướng này, mà là một nhà nghiên cứu, người càng không phải là người đi theo khuynh hướng nào đó mà là một cái mặt. Các đóng góp thực sự của ông tập trung nhiều hơn vào những nghiên cứu áp dụng triết học cách thức nghiên cứu và nêu vấn đề đã sớm được hình thành ngay từ những năm 1970-1980, nhất là khi ông bắt đầu nghiên cứu các *đường lối chính sách ngôn ngữ Việt*. Có thể nói, trong ngôn ngữ học Việt Nam, GS Nguyễn Lai là người đã sớm mở ra những góc nhìn hay đường hướng nghiên cứu có sự góp phần vào những quan niệm mà ngày nay, cùng với sự phát triển của ngôn ngữ học trên thế giới, đã trở thành quen thuộc với chúng ta (dĩ nhiên các hướng nghiên cứu đó trong ngôn ngữ học hiện nay đã có một quy mô, một chiều sâu khác nhau).

2. Như đã nói, GS Nguyễn Lai được biết quan tâm tới vấn đề nghĩa cùng với những điều kiện có của ngôn ngữ ít nhiều trong những nghiên cứu thực tiễn sáng tác văn chương. Có lẽ do vậy mà phần mà trong quan niệm của ông về nghĩa nằm lên một số điểm đáng chú ý:

a. Ông tập trung quan điểm nghĩa là *hiện tượng tâm lý*, và do đó nó gắn liền với một thi vị và hoạt động tâm lý như những của con người (điều này thì hiện rõ nhất qua chuyên đề *quá trình tiếp nhận văn chương* của ông).

b. Nghĩa, đối với ông, dường như là sự phản ánh song Nguyễn Lai ít dùng chữ ‘phản ánh’. Ông thích gọi đó là *sự đồng hóa nhận thức hiện thực vào ngôn ngữ*. Cách nói này của một người dung quan niệm đang nằm trong các chữ miêu tả quá trình theo thói quen của ông ...

Nghĩa là sự phản ánh thế giới vào ngôn ngữ song đó là sự phản ánh xuất phát từ cách nhìn, cách cảm nhận những nhu cầu đích của con người đồng thời phản ánh về mặt lịch sử - văn hóa. Quá trình đó, trong cách nói của ông, giống như có một cái máy nào đã cài đặt từ những thông tin nhận được, người ta từ những hóa đi những cái không quan trọng, tập trung vào tiêu điểm chú ý nêu bật cái mà chủ thể quan tâm hay làm chủ thể quan tâm. Chủ thể dường như “chỉ nhìn thấy” cái có ý nghĩa, cái có giá trị với đời sống của con người. Tóm nhìn sớm có được này của GS Nguyễn Lai quán xuyên trong cách xác định *chính hình thành nghĩa* với đầy đủ bản chất xã hội sâu xa của nó.

Cùng với, cái nội dung được đưa vào hình thức ngôn ngữ (nghĩa, nội dung quan niệm) bao giờ cũng chịu những sự biến đổi của cái hình thức đã được xác lập mà nó tham gia vào. Mặc dù có sự phân loại hình thức hóa ngôn ngữ – với Nguyễn Lai - *nghĩa* thì đây luôn bao

hàm mặt số

chu

ý nghĩa

từ cái này sang cái kia,

trên

từ cái này sang cái kia (thực chất là không phải bao giờ cũng có mặt đối tượng phân giới định đoạt).

3. Mặt tuy nhiên đóng góp khác của GS Nguyễn Lai là những từ trong câu ông về ngữ nghĩa ngữ pháp, về nghiên cứu ngữ pháp hóa và ngữ pháp học.

Quan tâm rất nhiều tới những đóng góp của Nguyễn Lai cùng lúc đã ghi nhận, đã xấp xỉ lên nhiều vấn đề. Ông nhìn thấy từ ngữ liên từ ngữ Việt những vấn đề ngữ nghĩa trong hiện tượng giới là *hóa*. Về ông - trong lập trường và câu trong những câu giới tìm kiếm các thao tác phân tích câu - hiện tượng này không phải là mặt nghĩa, trọng nghĩa. Mà đây là mặt số về đối tượng biến đổi có thể chia - qua những bước, những quan hệ - về quá trình làm hình thành những *nghĩa mới* thu được mặt kiến nghĩa khác của những ngôn ngữ phức tạp. Thế nghĩa này có thể gọi về việc chia năng lượng từ quan hệ ngữ pháp và những khía cạnh khác thu được về phạm vi biến đổi thái độ tâm lý, cảm xúc đánh giá, sự tương tác giữa người nói và người nghe. Đó có thể thấy tính nhiều mặt của ngữ pháp hóa, cũng do vậy, rõ ràng, không có mặt đối tượng ranh giới siêu hình giữa thực và hư.

GS Nguyễn Lai tìm kiếm sự ngữ nghĩa của những kết hợp ngữ pháp, và về GS, mặt cách rất tự nhiên, tìm kiếm cách của ý từ ngôn ngữ biến đổi trong khả năng kết hợp của nó, trở thành mặt *thực pháp* quen thuộc để nắm bắt cái thế nghĩa có trong câu mệnh đích thực của người biến đổi mà ông gọi là *hiệu lực giao tiếp*, là sự thái ngữ nghĩa có phạm vi "tính từ" "rất khó xác định" và ngôn ngữ học tiến tới phải làm sao "có để sự mới" để tương ứng minh họa những hiện tượng này. Ông viết: "Số lý giữa câu của ngữ pháp hoàn toàn không thể tách rời về câu của ngữ nghĩa...", "Tính quy định của ngữ nghĩa đối với ngữ pháp gọi là mặt nguyên từ..."

Xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu ngôn ngữ và từ sự phân tích có trọng tâm các từ trong câu của Mác, GS Nguyễn Lai đặc biệt chú ý tới những đóng góp quan trọng trực tiếp tác động đến quá trình xây lý những vấn đề của ngôn ngữ học mặt cách sâu sắc, nhiều chi tiết về những đang còn chờ đợi sự quan tâm đúng mức, ít nhất cũng là vào kho ngữ pháp gian những năm 1970 - 1980.

Ông nhiều lần nhấn mạnh "Giao tiếp là hành vi xã hội, và về mặt cấu trúc những ngữ pháp trao đổi thì cùng mặt hành vi đó, không thể chia được thành hành vi cá nhân và ngữ pháp cũng không thể

chúng ta nên thu hẹp là hành vi xã hội”. Không đáng kể đó, ông phát triển thêm, “trong thực tế giao tiếp, trao đổi cái gì (...) từ nhiên đã là phạm trù nội dung rồi”, “muốn có mặt giá trị thông báo thì không thể không lấy đổi từ tiếng nói thông báo làm đích”, “khi nói đến giao tiếp là nói đến truyền đạt trao đổi thông báo để hình thành hành động”...

Như quán xuyến hệ thống quan điểm trên, Nguyễn Lai đã lí giải *tiềm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh* trong thực tiễn nhân phẩm nhân văn đang được chia sẻ trong lí luận công phẩm nhân phẩm ngày nay. Theo GS, lí luận công phẩm (vấn đề năng lực, vấn đề hành vi, vấn đề văn cảnh) đang được ông chia sẻ “không phải là đi u gì quá cao xa, trái lại. “đó là mặt cách để hình thành lí luận ngày càng công thức và triết lý vào thực tiễn đời sống xã hội” - nội vấn là hình thành triết lý tác mà chính từ đó và qua đó HCM đã đúc kết triết lý nghiêm, đem lại sự sống thực tiễn cho cách dùng nhân phẩm *chỉ cần ngôn ngữ* trong tiềm nhìn ngôn ngữ của chính HCM

Như vậy, về thực chất, GS Nguyễn Lai đã công nhận được cái nhu cầu cần thiết phải triển khai và đi sâu hơn nữa trong nghiên cứu ngôn ngữ vào phạm vi đời sống và mặt tinh thần bí ẩn của ngôn ngữ mà ngay cả hiện nay, đôi khi vì quá nhận mạnh mẽ mặt này mặt khác, chúng ta ít quan tâm tới.

Như mặt trước đã nói, Nguyễn Lai thấy sự tồn tại của thực nghĩa (nghĩa chỉ không phải là cái gì khác đổi về ngôn ngữ học) gắn với việc bộc lộ thái độ, tâm lý cảm xúc, sự tương tác liên nhân... cần phải tiếp tục phát triển các kỹ thuật phân tích cùng bộ máy công cụ siêu ngôn ngữ để miêu tả. Chính cái thực nghĩa này – vốn có trong các từ ngữ, đặc biệt, các hình thức, các yếu tố tình thái đánh giá, các kiểu cấu trúc - trong chuỗi công trình nghiên cứu gần đây, được coi là cái làm thành nhân quả từ liên dụng học, thực chất phạm vi đời sống ngôn ngữ học thực do tính chất được mã hóa, được ngữ pháp hóa hay cấu trúc hóa trong hệ thống ngôn ngữ của chúng.

Lý giải các ý kiến của Mác, như đã nói, ông nhận thấy giao tiếp ngôn ngữ như một hình thức hoạt động xã hội. Cái hoạt động này là hoạt động ngôn ngữ của ta để thực hiện cái đích xa xôi (hoạt động từ hành động); nói bằng thuật ngữ của ông động học hiện đại đó là hành vi ngôn ngữ (hành vi từ ngữ, mệnh đề). Không chỉ có thế, ông động từ và nhận thấy cái đặc tính của xã hội và cá nhân, động đặc tính thông qua ngôn ngữ, qua truyền thống nội dung (điểm này, theo chúng tôi, làm cho giao tiếp ngôn ngữ trong khi là hành động như các kiểu hành động khác thì động từ cũng có những đặc trưng riêng biệt khác biệt). Đó là một tình huống biến chuyển của thi.

Đặc biệt đáng nói hơn, từ khi xem giao tiếp thông qua hoạt động của ngôn ngữ theo quan điểm của Mác, GS Nguyễn Lai là người đầu tiên có định nghĩa kinh điển và hiện đại, phát hiện *“Tóm nhìn kinh điển trong hoạt động của ngôn ngữ học tri nhận”*. Luận điểm có sự thuyết phục về mặt khoa học này được ông nhận thấy sau : “Tóm nhìn kinh điển trong hoạt động của ngôn ngữ học tri nhận ngày nay thực tế không phải là một sự xác định tùy hứng. Các nhà khoa học mang tính khách quan này có thể lý giải,

*mặt mặt*

, từ chi tiết sâu trong mối liên hệ giữa số của bản năng sự từ ngữ và chức năng giao tiếp xã hội của ngôn ngữ trong sự không phân biệt giữa ngôn ngữ và từ nói theo cách nhìn kinh điển của Mác (định nghĩa mà giải thích nghiên cứu trong nghiên cứu thực tế từ ngữ đang ngày càng hoạt động từ ngữ); và

*mặt khác*

, có thể lý giải bằng sự tồn tại của nguyên tắc tin tức của Saussure để xác định mối quan hệ giữa hình và nội dung trong tính chất thực tế của các định vị ngôn ngữ đang tồn tại nghĩa giao tiếp”.(tr.66)

Nhìn chung, có thể nói được rằng, từ duy khoa học trong cách lý giải *“Tóm nhìn ngôn ngữ HCM* cũng như *“Tóm nhìn kinh điển trong hoạt động của ngôn ngữ học tri nhận”*

*nhìn kinh điển trong hoạt động của ngôn ngữ học tri nhận”*

có thể coi là kết quả tích hợp nghiên cứu từ tiêu biểu có được trong từ vựng ngôn ngữ học của GS TSKH Nguyễn Lai. Và, định nghĩa này, từ tóm nhìn bao quát nhất của mình, chính vì GS trên 85 tuổi đã có dịp từ bản in ...: Ngôn ngữ - dù biến động và phát triển như thế nào, và ngôn ngữ - dù được khai thác theo hướng nào, nếu không bị xuyên tạc – tạc là

*không bị tách rời chức năng để hình thành hành động xã hội cho con người*

- thì nó không thể thoát li khỏi những quy luật mang tính chân lý được phát hiện một cách đúng đắn từ chi tiết sâu theo hướng biến thực luận thông qua thực tiễn và phương pháp luận mácxít... ./.

